**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015**

Thực hiện thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020 và yêu cầu về bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, ngày 24/11/2015, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa 13 đã thông qua Bộ luật Dân sự năm 2015 (Luật số 91/2015/QH13). Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng đã được Chủ tịch nước công bố theo Lệnh số 20/2015/L-CTN ngày 08/12/2015. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế Bộ luật Dân sự năm 2005. Bộ luật Dân sự năm 2015 là đạo luật cơ bản của hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm của các bên tham gia quan hệ đó. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của pháp luật dân sự ở nước ta. Để góp phần phổ biến các nội dung cơ bản của Bộ luật Dân sự 2015, đặc biệt là các nội dung liên quan đến hoạt động ngân hàng, bài viết dưới đây xin được giới thiệu sự cần thiết ban hành Bộ luật Dân sự 2015, các nội dung cơ bản của Bộ luật Dân sự 2015 và một số nội dung liên quan đến hoạt động ngân hàng.

**1. Sự cần thiết ban hành Bộ luật dân sự 2015**

Bộ luật Dân sự năm 2005, sau 10 năm thi hành, đã có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như đối với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn phát triển mới của đất nước, trước yêu cầu thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng, và yêu cầu về công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 thì Bộ luật Dân sự hiện hành đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, nổi bật là:

*Thứ nhất*, một trong những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền, đặc biệt sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành là Nhà nước phải có cơ chế pháp lý để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân về dân sự. Tuy nhiên, một số quy định của Bộ luật dân sự hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu này, như: (i) Chưa bảo đảm nguyên tắc quyền dân sự chỉ có thể bị hạn chế bởi luật trong những trường hợp đặc biệt như Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận; (ii) Nhiều quy định về chủ thể, giao dịch, đại diện, nghĩa vụ, hợp đồng, thừa kế còn bất hợp lý, thiếu tính khả thi; (iii) Chưa tạo được cơ chế pháp lý hữu hiệu để bảo vệ quyền, lợi ích của bên thứ ba ngay tình, của bên thiện chí, bên yếu thế trong quan hệ dân sự…

*Thứ hai*, nhiều quy định của Bộ luật dân sự (BLDS) còn chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, như: (i) BLDS hiện hành có rất nhiều quy định về quyền sở hữu, trong khi đó lại có rất ít quy định về các loại quyền khác đối với tài sản (quyền của người không phải là chủ sở hữu tài sản) đã dẫn đến hậu quả là chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả các tài sản và các nguồn tài nguyên của đất nước; (ii) Chưa ghi nhận được nguyên tắc quyền của tất cả các chủ sở hữu, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế đều được pháp luật công nhận và bảo vệ như nhau; (iii) Một số quy định của BLDS hiện hành còn gò bó, không phù hợp với tính năng động của nền kinh tế thị trường; (iv) Quy định về đại diện của pháp nhân còn nhiều điểm bất hợp lý...

*Thứ ba*, trong hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự, BLDS hiện hành còn chưa thể hiện được đầy đủ vị trí, vai trò của mình với tư cách là luật chung với ba chức năng: (i) Quy định những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất có liên quan đến tất cả các lĩnh vực thuộc đời sống dân sự; (ii) Định hướng cho việc xây dựng các văn bản pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự đặc thù; (iii) Khi các luật chuyên ngành không có quy định về một quan hệ dân sự thì quy định của BLDS được áp dụng để điều chỉnh. Kết quả là, hệ thống pháp luật dân sự nói chung còn chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về tính ổn định, tính thống nhất.

Những hạn chế, bất cập nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực và hiệu quả của BLDS nói riêng, pháp luật dân sự nói chung; chưa thực sự tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như cho việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền dân sự của người dân. Do đó, việc xây dựng BLDS (sửa đổi) là rất cần thiết.

**2. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BỘ LUẬT DÂN SỰ**

**2.1. Mục tiêu:** Xây dựng BLDS trở thành luật chung của hệ thống pháp luật tư; ghi nhận và bảo vệ tốt hơn các quyền của cá nhân, pháp nhân trong giao lưu dân sự; góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định môi trường pháp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành.

**2.2. Quan điểm chỉ đạo**

Việc xây dựng BLDS được thực hiện trên cơ sở quán triệt những quan điểm chỉ đạo sau đây:

*Thứ nhất*, thể chế hóa đầy đủ, đồng thời tăng cường các biện pháp để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực của đời sống dân sự, cũng như những tư tưởng, nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN về quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng giữa các chủ thể thuộc mọi hình thức sở hữu và thành phần kinh tế đã được ghi nhận trong các Nghị quyết của Đảng và trong Hiến pháp năm 2013.

*Thứ hai*, sửa đổi, bổ sung các quy định còn bất cập, hạn chế trong thực tiễn thi hành để bảo đảm BLDS thực sự phát huy được ba vai trò cơ bản là: (i) Tạo cơ chế pháp lý hữu hiệu để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của các cá nhân, pháp nhân, đặc biệt là trong việc bảo vệ quyền, lợi ích của bên yếu thế, bên thiện chí trong quan hệ dân sự; hạn chế đến mức tối đa sự can thiệp của cơ quan công quyền vào việc xác lập, thay đổi, chấm dứt các quan hệ dân sự; (ii) Tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực xã hội, bảo đảm sự thông thoáng, ổn định trong giao lưu dân sự, góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (iii) Là công cụ pháp lý hữu hiệu để thúc đẩy sự hình thành và phát triển các thiết chế dân chủ trong xã hội, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN.

*Thứ ba*,xây dựng BLDS thành luật chung của hệ thống pháp luật tư (pháp luật điều chỉnh các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm); có tính khái quát, tính dự báo và tính khả thi để một mặt, bảo đảm tính ổn định của Bộ luật, mặt khác, đáp ứng được kịp thời sự phát triển thường xuyên, liên tục của các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự.

*Thứ tư*, bảo đảm tính kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp với thực tiễn của pháp luật dân sự, cũng như các giá trị văn hóa, tập quán, truyền thống đạo đức tốt đẹp của Việt Nam; đồng thời tham khảo kinh nghiệm xây dựng BLDS của các nước, nhất là các nước có truyền thống pháp luật tương đồng với Việt Nam.

**3. Quá trình xây dựng dự án Bộ luật Dân sự 2015**

Đây là dự án luật có tác động lớn, toàn diện đến mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội nên việc xây dựng dự án Bộ luật Dân sự đã được thực hiện chặt chẽ qua các bước tổng kết thực hiện, soạn thảo, lấy ý kiến, thảo luận và thông qua tại 3 kỳ họp Quốc hội. Cụ thể: (i) Theo Kế hoạch tổng kết thi hành BLDS của Chính phủ, tất cả các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện tổng kết việc thi hành BLDS 2005, báo cáo các vướng mắc, bất cập để phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2005; (ii) Ban soạn thảo do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án BLDS (sửa đổi); đồng thời tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến các tổ chức, các chuyên gia trong và ngoài nước để hoàn thiện nội dung của dự thảo Bộ luật (iii) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo BLDS. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Bộ ngành và các tổ chức nghiên cứu đã triển khai tổ chức lấy ý kiến nhân dân, báo cáo kết quả lấy ý kiến về Cơ quan thường trực là Bộ Tư pháp để tổng hợp và hoàn thiện dự thảo Bộ luật. Ngân hàng Nhà nước cũng đã tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Bộ luật trong ngành ngân hàng, đồng thời tổ chức tọa đàm về các nội dung của BLDS liên quan đến ngành ngân hàng và đã có Báo cáo về kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo BLDS trong ngành ngân hàng gửi cơ quan chủ trì soạn thảo; (iv) Dự thảo BLDS đã được trình Quốc hội XIII kỳ họp thứ 8 cho ý kiến; trình Quốc hội XIII kỳ họp thứ 9 cho ý kiến về kết quả lấy ý kiến nhân dân về dự thảo BLDS và đã được Quốc hội XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015.Như vậy, BLDS là một trong số ít đạo luật được thảo luận, cho ý kiến, thông qua trong 3 kỳ họp của Quốc hội.

**4. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ**

Bộ luật Dân sự năm 2015 có 689 điều, được bố cục thành 6 phần, 27 chương với những nội dung cơ bản sau đây:

4.1. Phần thứ nhất “Quy định chung” (Điều 1 - Điều 157), quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, áp dụng BLDS, áp dụng tập quán, áp dụng tương tự pháp luật; xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền dân sự; địa vị pháp lý của chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự; tài sản; giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu.

4.2. Phần thứ hai “Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản” (Điều 158 - Điều 273), quy định nguyên tắc căn cứ xác lập, thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; giới hạn quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; chiếm hữu; quyền sở hữu; quyền đối với bất động sản liền kề, quyền hưởng dụng, quyền bề mặt.

4.3. Phần thứ ba “Nghĩa vụ và hợp đồng” (Điều 274 - Điều 608), quy định về căn cứ phát sinh, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự; biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng; một số hợp đồng thông dụng; hứa thưởng và thi có giải; thực hiện công việc không có ủy quyền; nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

4.4. Phần thứ tư “Thừa kế” (Điều 609 - Điều 662), bao gồm quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán, phân chia di sản.

4.5. Phần thứ năm “Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài” (Điều 663 - Điều 687), bao gồm quy định chung, pháp luật áp dụng đối với cá nhân, pháp nhân, quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân có yếu tố nước ngoài.

4.6. Phần thứ sáu “Điều khoản thi hành” (Điều 688 và Điều 689), quy định về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.

**5. MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015**

**5.1.** Để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất và ổn định trong hệ thống pháp luật dân sự, Bộ luật quy định BLDS là luật chung điều chỉnh các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm (được gọi chung là quan hệ dân sự), thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

*Một là,*quy định các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự và luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản này;

*Hai là,* quy định trường hợp luật khác có liên quan không có quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự thì quy định của BLDS được áp dụng;

*Ba là,*quy định cụ thể hơn hoặc bổ sung các công cụ pháp lý giúp Tòa án có đủ căn cứ giải quyết các vụ việc dân sự, nhất là khi chưa có điều luật để áp dụng. Trường hợp này, Tòa án có thể được áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ và lẽ công bằng.

**5.2.** Bộ luật sửa đổi, bổ sung nhiều quy định của BLDS năm 2005 để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về xây dựng, hoàn thiện hơn các cơ chế pháp lý công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực dân sự, thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

*Một là,*quy định Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự với lý do chưa có điều luật để áp dụng; Tòa án chỉ được áp dụng thời hiệu khi giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp một bên hoặc các bên quan hệ dân sự có yêu cầu;

*Hai là,* hoàn thiện các chế định về năng lực hành vi dân sự, giám hộ và đại diện để tạo cơ chế pháp lý bảo vệ tốt hơn quyền dân sự của người chưa thành niên, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người mất năng lực hành vi dân sự, giúp họ được bình đẳng với chủ thể khác trong quan hệ dân sự;

*Ba là,* hoàn thiện các quy định quyền nhân thân của cá nhân, nhất là trong tôn trọng, công nhận và bảo vệ quyền về họ tên, dân tộc, quốc tịch, hình ảnh, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín; ghi nhận cá nhân được chuyển đổi giới tính theo quy định của luật; …

**5.3.** Bộ luật hoàn thiện các chế định về chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, tài sản và quyền sở hữu, nghĩa vụ và hợp đồng, pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài để góp phần thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, Hiến pháp năm 2013 về xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế, thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

*Một là,*quy định chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự bao gồm cá nhân, pháp nhân; Nhà nước CHXHCN Việt Nam, cơ quan nhà nước ở trung ương, ở địa phương bình đẳng với chủ thể khác khi tham gia quan hệ dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của BLDS; trường hợp hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì các thành viên là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự...;

*Hai là,* hoàn thiện chế định tài sản và quyền sở hữu để bảo đảm tính bao quát, minh bạch trong quy định của pháp luật, huy động và khai thác được hết các nguồn lực vật chất trong xã hội. Trong đó, quy định tài sản trong quan hệ dân sự có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản được hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất là một quyền tài sản, việc đăng ký tài sản phải được công khai; bổ sung quyền khác đối với tài sản bao gồm, quyền với bất động sản liền kề, quyền hưởng dụng và quyền bề mặt, bảo đảm cho chủ thể có các quyền này được trực tiếp nắm giữ, chi phối tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác; quy định chiếm hữu như là trạng thái pháp lý về nắm giữ, chi phối tài sản, người đang chiếm hữu được suy đoán là người ngay tình...;

*Ba là,*hoàn thiện các chế định về giao dịch dân sự, đại diện, nghĩa vụ và hợp đồng để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của sản xuất, kinh doanh, sự thông thoáng, ổn định trong giao lưu dân sự; bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của bên yếu thế, bên thiện chí, ngay tình; hạn chế tối đa sự can thiệp của cơ quan công quyền vào các quan hệ dân sự. Trong đó: *(i) Về giao dịch dân sự*, Bộ luật quy định giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức nhưng một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì giao dịch đó có thể được Tòa án công nhận; trường hợp người thứ ba ngay tình căn cứ vào việc tài sản đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch với người thứ ba có thể không bị vô hiệu; trường hợp hết thời hiệu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu mà không có yêu cầu thì giao dịch dân sự đó có hiệu lực pháp luật giữa các bên; *(ii) Về đại diện,* Bộ luật quy định pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật và pháp nhân cũng có thể là người đại diện theo ủy quyền; *(iii) Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi vi phạm nghĩa vụ,* Bộ luật quy định chủ thể bị vi phạm nghĩa vụ được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác; bên bị vi phạm phải áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để hạn chế thiệt hại có thể gây ra cho chính mình; *(iv) Về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự,* Bộ luật quy định có tính khả thi hơn về quyền của bên nhận bảo đảm khi phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba; việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp; thứ tự ưu tiên thanh toán tài sản cầm cố, thế chấp...; *(v) Về hợp đồng,* để phù hợp hơn với thực tiễn hợp đồng và thông lệ quốc tế, Bộ luật bổ sung quy định về thông tin trong giao kết hợp đồng, điều kiện giao dịch chung, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, sửa đổi căn cứ hủy bỏ hợp đồng, hậu quả của hủy bỏ hợp đồng... Đối với hợp đồng thông dụng, Bộ luật bổ sung hợp đồng hợp tác và hợp đồng về quyền sử dụng đất. Ngoài ra, quy định về hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản... cũng được sửa đổi, bổ sung để quy định về các hợp đồng này vừa bảo đảm tính linh hoạt, vừa có thể bao quát được những hợp đồng phái sinh, đặc thù; *(vi) Về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng,* Bộ luật quy định người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường; chủ sở hữu, người chiếm hữu tài sản có nghĩa vụ bồi thường cho người bị thiệt hại về những thiệt hại do tài sản của mình gây ra; *(vii) Về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài,* Bộ luật quy định các hệ thuộc về pháp luật áp dụng và thứ tự ưu tiên áp dụng các hệ thuộc này, nhất là đối với quan hệ hợp đồng, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo hướng tiếp thu có chọn lọc các tiêu chuẩn, chuẩn mực pháp lý chung đã được quốc tế thừa nhận rộng rãi.

**5.4.** Về xử lý chuyển tiếp: BLDS 2015 quy định cụ thể về xử lý chuyển tiếp như sau: (i) Giao dịch dân sự được xác lập trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực nhưng chưa thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của BLDS 2015 thì chủ thể giao dịch tiếp tục thực hiện theo quy định của BLDS 2005 và các văn bản quy định chi tiết; (ii) Giao dịch dân sự được xác lập trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực mà đang được thực hiện, có nội dung, hình thức khác với quy định của BLDS 2015 thì áp dụng quy định của BLDS 2005 và các văn bản quy định chi tiết; (iii) Giao dịch dân sự được xác lập trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực nhưng chưa thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của BLDS 2015 thì áp dụng quy định của BLDS 2015; (iv) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của BLDS 2005 và các văn bản quy định chi tiết để giải quyết. Thời hiệu được áp dụng theo quy định của BLDS 2015

**6. MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

**6.1.** **Về nguyên tắc áp dụng pháp luật**

Một trong những vấn đề quan trọng của BLDS 2015 là nhằm tạo cơ chế pháp lý đầy đủ cho việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự là đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật dân sự.

Theo quy định của BLDS năm 2005, tất cả các quan hệ dân sự chịu sự điều chỉnh của BLDS. BLDS 2005 không có quy định cụ thể xử lý mối quan hệ giữa BLDS và các luật chuyên ngành. Do đó, trong thực tế, đã phát sinh vướng mắc về việc áp dụng pháp luật khi các quy định của BLDS 2005 khác với quy định của các luật chuyên ngành..

Để khắc phục bất cập trên, BLDS 2015 đã có những điều chỉnh đáng ghi nhận khi quy định cụ thể nguyên tắc áp dụng BLDS tại Điều 4 như sau:

*“****Điều 4. Áp dụng Bộ luật dân sự***

*1. Bộ luật này là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự.*

*2. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.*

*3. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng.*

*4. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Bộ luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế*”.

Như vậy, việc áp dụng BLDS 2015 cần chú ý những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, về áp dụng các quy định của BLDS 2015. BLDS 2015 đã khẳng định các quy định của BLDS 2015 được áp dụng chung cho các quan hệ dân sự. Các quan hệ dân sự được hiểu theo nghĩa rất rộng, bao gồm địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ. Như vậy, có thể nói, BLDS 2015 là nền tảng pháp lý quan trọng cho hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự, kinh doanh, thương mại (bao gồm cả các hoạt động ngân hàng).

*Thứ hai*, về áp dụng pháp luật khi có sự khác nhau giữa BLDS và luật khác

Việc áp dụng pháp luật khi có sự khác nhau giữa BLDS và luật khác là vấn đề mới được đặt ra tại BLDS 2015. Theo quy định này, BLDS 2015 điều chỉnh chung các quan hệ dân sự. Luật khác điều chỉnh quan hệ dân sự trong lĩnh vực cụ thể không được trái với nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3 BLDS 2015. Các nguyên tắc cơ bản này bao gồm: (i) Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử, được pháp luật bảo hộ như nhau về quyền nhân thân và tài sản; (ii) Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận; (iii) Nguyên tắc thiện chí, trung thực; (iv) Nguyên tắc tôn trọng lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; (v) Nguyên tắc tự chịu trách nhiệm dân sự.

Trong trường hợp luật khác vi phạm các nguyên tắc cơ bản của BLDS hoặc không có quy định thì BLDS 2015 sẽ được ưu tiên áp dụng. Như vậy, trong trường hợp có sự khác nhau giữa BLDS 2015 và luật khác thì các quy định của luật khác sẽ được ưu tiên áp dụng, trừ trường hợp các quy định của luật khác vi phạm nguyên tắc cơ bản của BLDS 2015.

*Thứ ba*, về áp dụng BLDS khi có sự khác nhau giữa BLDS với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cũng như các bộ luật, luật khác, trong trường hợp có sự khác nhau giữa luật trong nước và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì điều ước quốc tế sẽ được ưu tiên áp dụng. Khoản 4 Điều 4 BLDS 2015 ghi nhận: “*Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Bộ luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế”.* Quy định nàynhằm đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

**6.2. Về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự**

Trong quan hệ pháp luật dân sự, các chủ thể tham gia có vị trí độc lập, bình đẳng, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau. So với quy định của BLDS 2005, vấn đề về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự được quy định tại BLDS 2015 có nhiều điểm khác biệt.

Điều 1 BLDS 2005 quy định: “Bộ luật dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác”. Như vậy, chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự được quy định tại BLDS 2015 bao gồm cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác. Các chủ thể khác ở đây bao gồm hộ gia đình và tổ hợp tác. Đây là các chủ thể độc lập trong quan hệ pháp luật dân sự được BLDS 2005 ghi nhận (Điều 106 và Điều 111).

Khác với BLDS 2005, BLDS 2015 không có quy định thế nào là chủ thể của một quan hệ pháp luật dân sự, tuy nhiên, tại Điều 1 BLDS 2015 quy định: “Bộ luật này quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân”. Như vậy, BLDS 2015 chỉ ghi nhận cá nhân và pháp nhân và hai chủ thể độc lập của quan hệ pháp luật dân sự. Do đó, BLDS 2015 không coi hộ gia đình và tổ hợp tác là chủ thể độc lập của quan hệ pháp luật dân sự. Tuy nhiên, để xử lý vướng mắc của quan hệ pháp luật có sự tham gia của hộ gia đình, tổ hợp tác, BLDS 2015 có quy định điều chỉnh việc tham gia quan hệ pháp luật dân sự của hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân.

**a) Cá nhân**

Cá nhân là chủ thể chủ yếu và quan trọng của quan hệ pháp luật dân sự. Mỗi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự. Năng lực pháp luật dân sự của các nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết và các cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân thể hiện ở việc cá nhân có quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản; Quyền sở hữu, quyền thừa kế và quyền khác đối với tài sản; Quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó.

Ngoài năng lực pháp luật dân sự, cá nhân còn có năng lực hành vi dân sự. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Theo quy định của BLDS 2015, người từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

**b) Pháp nhân**

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ 4 yếu tố sau đây: (i) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; (ii) Có cơ cấu tổ chức (phải có cơ quan điều hành và các cơ quan khác); (iii) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; (iv) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Mỗi pháp nhân đều có năng lực pháp luật dân sự - là khả năng của pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập; nếu pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân chấm dứt kể từ thời điểm chấm dứt pháp nhân.

Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân. Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự về nghĩa vụ do sáng lập viên hoặc đại diện của sáng lập viên xác lập, thực hiện để thành lập, đăng ký pháp nhân, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình; không chịu trách nhiệm thay cho người của pháp nhân đối với nghĩa vụ dân sự do người của pháp nhân xác lập, thực hiện không nhân danh pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.

**c) Chủ thể trong quan hệ dân sự có sự tham gia của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân**

Điều 101 BLDS 2015 quy định: *“1. Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khi có sự thay đổi người đại diện thì phải thông báo cho bên tham gia quan hệ dân sự biết.*

*Trường hợp thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập, thực hiện.*

*2. Việc xác định chủ thể của quan hệ dân sự có sự tham gia của hộ gia đình sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật đất đai”*.

Như vậy, khi hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ pháp luật dân sự thì mỗi thành viên sẽ được coi là một chủ thể độc lập tham gia vào quan hệ dân sự đó; hay nói cách khác, từng thành viên của hộ gia đình tham gia quan hệ dân sự hoặc ủy quyền cho thành viên khác tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.

**6.3. Về tài sản và quyền đối với tài sản**

**a) Về tài sản:** Chương VII Phần thứ nhất Quy định chung của BLDS 2015 quy định về tài sản bao gồm 11 điều (từ Điều 105 đến Điều 115) bao gồm các quy định về khái niệm tài sản; phân biệt bất động sản với động sản; tài sản hiện có với tài sản hình thành trong tương lai; hoa lợi, lợi tức; vật chính và vật phụ; vật chia được và vật không chia được; vật tiêu hao và vật không tiêu hao; vật cùng loại và vật đặc định; vật đồng bộ; quyền tài sản và quy định về đăng ký tài sản.

Về cơ bản, quy định về tài sản tại BLDS 2015 được kế thừa từ các quy định tại BLDS 2005 và có một số thay đổi như sau:

*Thứ nhất,*BLDS 2015 đã mở rộng khái niệm “tài sản hình thành trong tương lai” thay cho “khái niệm vật hình thành trong tương lai”.

Khoản 2 Điều 105 BLDS 2015 quy định: "*Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai*".

Điều 108 BLDS 2015 quy định:

"*1. Tài sản hiện có là tài sản đã hình thành và chủ thể đã xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản trước hoặc tại thời điểm xác lập giao dịch.*

*2. Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm:*

*a) Tài sản chưa hình thành;*

*b) Tài sản đã hình thành nhưng chủ thể xác lập quyền sở hữu tài sản sau thời điểm xác lập giao dịch.*"

*Thứ hai*, BLDS 2015 đã sửa đổi khái niệm về “quyền tài sản”.

Điều 181 BLDS 2005 quy định: "*Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ*".

Điều 115 BLDS 2015 quy định "*Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác*".

Như vậy, BLDS 2015 đã bỏ tiêu chí "*có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự*" trong khái niệm về quyền tài sản.

**b) Về quyền đối với tài sản**

Bên cạnh việc kế thừa quy định của BLDS 2005 về quyền chủ sở hữu đối với tài sản, BLDS 2015 đã quy định cụ thể về quyền khác đối với tài sản là “quyền của chủ thể trực tiếp giữ, chi phối tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác. Quyền khác đối với tài sản bao gồm: (i) Quyền đối với bất động sản liền kề; (ii) Quyền hưởng dụng; (iii) Quyền bề mặt. Đồng thời, BLDS 2015 đã bổ sung quy định cụ thể các trường hợp quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản của chủ sở hữu, chủ thể khác bị hạn chế như trường hợp tình thế cấp thiết, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội...

**6.4. Về giao dịch dân sự và hợp đồng dân sự**

**a) Giao dịch dân sự**

Chế định giao dịch dân sự được quy định tại Chương VIII BLDS 2015, bao gồm các quy định về điều kiện có hiệu lực, mục đích, hình thức giao dịch dân sự, việc giải thích giao dịch dân sự, các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu, hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu. Bộ luật Dân sự năm 2015 có một số thay đổi cơ bản so với Bộ luật Dân sự năm 2005 để làm rõ hơn các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu, đảm bảo tôn trọng ý chí của các bên trong việc xác lập giao dịch:

*Thứ nhất*, về quy định giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội (Điều 123): Tại Bộ luật dân sự năm 2005 quy định giao dịch dân sự sẽ vô hiệu nếu vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội. Đến Bộ Luật dân sự năm 2015, quy định này đã được thu hẹp hơn, theo đó, giao dịch dân sự chỉ bị vô hiệu khi vi phạm điều cấm của luật.

*Thứ hai*, về quy định giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện (Điều 125).

Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “Giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện”. Quy định này nhằm hướng tới bảo vệ quyền lợi cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên chưa đảm bảo tôn trọng đầy đủ ý chí tự nguyện giao kết của các chủ thể này.

Bộ luật Dân sự năm 2015 bên cạnh quy định quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu của người đại diện đối với những giao dịch này đã bổ sung những trường hợp giao dịch sẽ không bị vô hiệu bao gồm: (i) Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó; (ii) Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ; (iii) Giao dịch dân sự ðýợc ngýời xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi ðã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự. Quy định này vừa đảm bảo quyền lợi cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, vẫn đảm bảo tôn trọng ý chí tự nguyện của các bên.

*Thứ ba*, về quy định giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn (Điều 126)

Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn, theo đó, khi một bên có lỗi vô ý làm cho bên kia nhầm lẫn về nội dung của giao dịch dân sự mà xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu bên kia thay đổi nội dung của giao dịch đó, nếu bên kia không chấp nhận thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch vô hiệu.

Bộ luật dân sự năm 2015 vẫn giữ nguyên quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005, tuy nhiên bổ sung thêm trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn không vô hiệu trong trường hợp mục đích xác lập giao dịch dân sự của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc xác lập giao dịch dân sự vẫn đạt được. Quy định này là phù hợp, đảm bảo tôn trọng quyền tự do thỏa thuận của các bên vì nhiều trường hợp, việc nhầm lẫn khi xác lập giao dịch không ảnh hưởng tới kết quả cũng như việc đạt được mục đích xác lập giao dịch của các bên.

*Thứ tư*, về quy định giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức (Điều 129):

Điều 134 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức, theo đó, trong trường hợp pháp luật quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch vô hiệu.

  Quy định này khi triển khai trên thực tế đã gặp nhiều vướng mắc và khó đảm bảo tính khả thi vì trong nhiều trường hợp, một trong các bên trong giao dịch không hợp tác để thực hiện quy định về hình thức của giao dịch – mặc dù giao dịch được giao kết trên cơ sở ý chí tự nguyện của các bên, dẫn tới giao dịch vô hiệu.

  Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, nhưng loại trừ các trường hợp: Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó; Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực.

Như vậy, với quy định này, một giao dịch vi phạm quy định về hình thức nhưng các bên tham gia giao dịch tích cực, thiện chí thực hiện giao dịch (đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch) thì giao dịch không bị vô hiệu.

*Thứ năm*, về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu (Điều 132)

Bộ Luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu được tính từ ngày giao dịch được xác lập.

Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định cụ thể hơn, theo đó thời hiệu được tính từ ngày: (i) Người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự biết hoặc phải biết người được đại diện tự mình xác lập, thực hiện giao dịch; (ii) Người bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, do bị lừa dối; (iii) Người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép; (iv) Người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình xác lập giao dịch; (v) Giao dịch dân sự được xác lập trong trường hợp giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức.

Đồng thời Bộ luật dân sự năm 2015 cũng bổ sung quy định: Hết thời hiệu mà không có yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch dân sự có hiệu lực.

*Thứ sáu*, về bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình (Điều 133)

Bộ luật dân sự năm 2005 không bảo vệ quyền lợi người thứ ba ngay tình trong trường hợp tài sản giao dịch là bất động sản hoặc động sản phải đăng ký quyền sở hữu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị huỷ, sửa.

Quy định về người thứ ba ngay tình tại Bộ Luật dân sự năm 2015 có thay đổi, theo đó, trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu. Trường hợp tài sản phải đăng ký mà chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giao dịch dân sự với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá tại tổ chức có thẩm quyền hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó chủ thể này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị huỷ, sửa.

**b) Về hợp đồng**

Hợp đồng là hình thức giao dịch dân sự phổ biến và là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Chế định về hợp đồng là một chế định trọng tâm của BLDS, được quy định tại mục 7 Chương VIII BLDS 2015.

Bộ luật Dân sự 2015 quy định cụ thể về các điều khoản chung về hợp đồng, định hướng cho việc xây dựng các quy định về hợp đồng trong các luật khác có liên quan và đủ để áp dụng trong trường hợp các luật khác có liên quan thiếu quy định về hợp đồng. Ngoài ra, một số quy định mới phù hợp với thông lệ quốc tế, với thực tiễn nước ta đã được bổ sung như là các quy định về điều kiện giao dịch chung, điều chỉnh hợp đồng khi có thay đổi hoàn cảnh, phụ lục hợp đồng, hủy bỏ và hậu quả của hủy bỏ hợp đồng,...

So với Bộ luật Dân sự 2005, BLDS 2015 có những thay đổi chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, về điều kiện giao dịch chung. BLDS 2015 thừa nhận về điều kiện giao dịch chung. Đó là những quy định do bên đề nghị giao kết hợp đồng công bố áp dụng chung cho các bên tham gia hợp đồng; nếu bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng thì coi như chấp nhận toàn bộ quy định đã được bên đề nghị đưa ra. Nếu trong điều kiện giao dịch chung có quy định về miễn trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi của bên kia thì quy định này không có hiệu lực. Quy định này sẽ có tác động đối với một số dịch vụ ngân hàng có áp dụng điều kiện giao dịch chung như phát hành, sử dụng thẻ ngân hàng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán...

*Thứ hai,* về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Đây là nội dung mới của BLDS 2015. Theo đó, hoàn cảnh thay đổi cơ bản là khi có đủ các điều kiện sau đây: (i) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng; (ii) Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh; (iii) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; (iv) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; (v) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý. Trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định hoặc sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản (Điều 420).

**6.5. Về lãi suất và các quy định liên quan đến lãi suất**

**a) BLDS 2015 không sử dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố làm lãi suất tham chiếu**

Thay vì sử dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố làm lãi suất tham chiếu khi xác định trần lãi suất cho vay cũng như xác định các lãi suất liên quan đến các trách nhiệm dân sự khác như lãi suất phát sinh do chậm trả tiền trong trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (Điều 357); lãi suất áp dụng trong trường hợp bên mua hàng đã trả tiền nhưng chưa nhận vật do giao không đồng bộ (Điều 438), BLDS 2015 quy định mức trần lãi suất cho vay cụ thể ở mức 20%/năm tại khoản 1 Điều 468 và sử dụng mức lãi suất này làm lãi suất tham chiếu để xác định các lãi suất khác có liên quan.

Đồng thời, để đảm bảo có thể thay đổi mức lãi suất tham chiếu linh hoạt khi điều kiện thị trường có sự biến động, Điều 468 BLDS cũng quy định cơ chế để điều chỉnh lãi suất này, cụ thể: "Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.".

BLDS 2015 không quy định về lãi suất phạt chậm trả áp dụng trong trường hợp bên bảo hiểm chậm trả tiền bảo hiểm và bên thuê chậm trả tiền thuê quyền sử dụng đất do không có nội dung quy định cụ thể về hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất như tại BLDS 2005. Việc áp dụng lãi suất phạt chậm trả trong các trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 357 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

**b) Về mức trần lãi suất cho vay**

Điều 468 BLDS 2015 quy định: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*".

Việc quy định cụ thể mức lãi suất tại BLDS tạo sự rõ ràng, minh bạch, dễ tiếp cận và giúp cho các bên tham gia quan hệ dân sự có thể biết được ngay mức trần lãi suất cho vay để điều chỉnh hành vi của mình, cũng như giúp các cơ quan có thẩm quyền khi giải quyết tranh chấp có thể xác định dễ dàng mức lãi suất cho vay các bên thỏa thuận có vi phạm pháp luật hay không, nếu vi phạm thì mức lãi suất cần áp dụng là bao nhiêu.

Điều 468 BLDS 2015 đã có quy định loại trừ việc áp dụng mức trần lãi suất vay 20% trong "*trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*". Theo quy định tại Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước và khoản 2, 3 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, trong điều kiện bình thường, lãi suất trong hoạt động ngân hàng sẽ thực hiện theo cơ chế tự thỏa thuận, không có trần lãi suất. Chỉ trong điều kiện đặc biệt cần có sự can thiệp của Nhà nước, NHNN mới quy định cơ chế xác định lãi suất trong quan hệ giữa TCTD và khách hàng, cơ chế xác định lãi suất này có thể bao gồm trần lãi suất cho vay trong quan hệ cấp tín dụng của TCTD với khách hàng. Như vậy, BLDS đã loại trừ việc áp dụng mức trần lãi suất vay 20%/năm đối với hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 468 BLDS cũng quy định cụ thể việc xử lý trong trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất vay vượt trần lãi suất quy định: "Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

**c) Về lãi suất áp dụng trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi suất nợ quá hạn):**

Khoản 4 Điều 466 BLDS 2015 quy định cụ thể, rõ ràng về lãi suất phạt quá hạn áp dụng trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ: "*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b*) Lãi trên *nợ gốc quá hạn chưa trả* bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác."

Quy định này làm rõ cơ chế, cách xác định lãi suất nợ quá hạn, tôn trọng sự thỏa thuận của các bên trong việc xác định lãi suất quá hạn, phù hợp với nguyên tắc và bản chất của quan hệ dân sự, đồng thời, khắc phục bất cập tại BLDS 2005 còn nhiều cách hiểu không thống nhất khi tính lãi suất phạt quá hạn.

**6.6. Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự**

Nghĩa vụ dân sự được quy định tại Phần thứ ba Bộ Luật dân sự năm 2015, trong đó quy định về căn cứ phát sinh và đối tượng của nghĩa vụ; về thực hiện nghĩa vụ; về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; quy định về trách nhiệm dân sự và việc chấm dứt nghĩa vụ. Bộ luật dân sự năm 2015 có một số sửa đổi, bổ sung liên quan đến các quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

*Thứ nhất,* Bộ luật dân sự năm 2015 bổ sung thêm hai biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là bảo lưu quyền sở hữu và cầm giữ tài sản.

*Thứ hai,* Bộ Luật dân sự năm 2015 bổ sung một số quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong tương lai (Điều 294) các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm (Điều 299 đến 307) hoặc việc ghi nhận các bên có thể thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vào quy định về phạm vi bảo lãnh (Điều 336). Các quy định này hiện cũng đang được quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 11/2012/NĐ-CP), tuy nhiên có một số nội dung tại BLDS 2015 khác với quy định tại Nghị định 163 và Nghị định 11. Ví dụ quy định về giao tài sản bảo đảm để xử lý, Nghị định 163 và Nghị định 11 quy định “*Bên giữ tài sản bảo đảm phải giao tài sản đó cho người xử lý tài sản theo thông báo của người này; nếu hết thời hạn ấn định trong thông báo mà bên giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản thì người xử lý tài sản có quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều này để xử lý hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Tuy nhiên, Điều 301 Bộ Luật dân sự năm 2015 không quy định về việc thu giữ tài sản, chỉ quy định “*Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác*”; hoặc quy định về định giá tài sản bảo đảm, Nghị định 163 và Nghị định 11 chỉ quy định việc định giá do các bên thỏa thuận. Bộ luật Dân sự năm 2015 bổ sung thêm nội dung “*trường hợp không có thỏa thuận thì tài sản được định giá thông qua tổ chức định giá tài sản*”.

*Thứ ba*, Về thứ tự ưu tiên thanh toán, Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm được xác định căn cứ theo thứ đăng ký giao dịch bảo đảm hoặc theo thứ tự xác lập giao dịch bảo đảm (Trong trường hợp một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ dân sự mà các giao dịch bảo đảm đều không có đăng ký).

Tại Bộ luật dân sự năm 2015, thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận tài sản bảo đảm được xác định căn cứ theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba hoặc thứ tự xác lập biện pháp bảo đảm. Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm (thế chấp tài sản, cầm cố tài sản trong trường hợp tài sản nhận cầm cố là bất động sản) hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm (cầm cố tài sản đối với các tài sản khác).

Theo đó, thứ tự ưu tiên thanh toán được quy định tại Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

“*1. Khi một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm được xác định như sau:*

*a) Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng;*

*b) Trường hợp có biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba và có biện pháp bảo đảm không phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm có hiệu lực đối kháng với người thứ ba được thanh toán trước;*

*c) Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều không phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập biện pháp bảo đảm.*

*2. Thứ tự ưu tiên thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này có thể thay đổi, nếu các bên cùng nhận bảo đảm có thỏa thuận thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán cho nhau. Bên thế quyền ưu tiên thanh toán chỉ được ưu tiên thanh toán trong phạm vi bảo đảm của bên mà mình thế quyền*”.

*Thứ tư*, Bộ luật dân sự năm 2015 cũng bổ sung quy định liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp trong các trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và thế chấp tài sản gắn liền với đất mà không thế chấp quyền sử dụng đất (Điều 325, 326), cụ thể:

(i) Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

(ii) Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì khi xử lý quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình; quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp trong mối quan hệ với chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người nhận chuyển quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

(iii) Trường hợp chỉ thế chấp tài sản gắn liền với đất mà không thế chấp quyền sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

(iv) Trường hợp chỉ thế chấp tài sản gắn liền với đất mà không thế chấp quyền sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất thì khi xử lý tài sản gắn liền với đất, người nhận chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác./.